

TÒA ÁN NHÂN DÂN

THỊ XÃ BA ĐỒN

TỈNH QUẢNG BÌNH

Bản án số: 52/2023/HS-ST

Ngày 21 - 11 – 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phan Hải Phú

Ông Nguyễn Văn Thắng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn N**, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1990, tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn 8, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình K và bà Phan Thị L; có vợ: Trần Thị T và 01 con (sinh năm 2016). Quá trình nhân thân: Năm 2012, bị Tòa án nhân dân Quận T, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 267/HSST ngày 20/9/2012; năm 2013, bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 272/2013/HSST ngày 12/7/2013; năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Quảng Trị xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 25/2014/HSST ngày 26/9/2014. Tiền án có 03 tiền án: Ngày

01/02/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 02/2018/HSST; ngày 31/7/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 23/2019/HSST; ngày 19/8/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt 26 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 33/2021/HSST. Tiền sự: Không. Bị cáo hiện bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Q trong một vụ án khác. Theo lệnh trích xuất bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:* Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1940; nơi cư trú: Thôn 8, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 20/7/2023, Nguyễn Văn N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 73K6 -1294 đi đến thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà chị Hoàng Thị N, quan sát không có người trông giữ nên N dựng xe ở ngoài đường đi vào bên trong nhà, thấy trên chõng ghế nhựa đặt sát cửa chính có 01 túi xách nữ màu đen, quai màu trắng nên N đã kéo dây khóa lấy 01 ví da, kiểm tra bên trong có 2.500.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, N đã lấy toàn bộ số tiền trên bỏ vào túi quần và tẩu thoát. Số tiền trên N đã tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã thu giữ và trả lại cho chị Hoàng Thị N 01 túi xách (nữ, loại 4 ngăn) làm bằng nhựa giả da, màu đen trắng, có quai xách màu đen trắng, có một dây kéo khóa nằm giữa, đã qua sử dụng; 01 ví da (nữ, loại 10 ngăn) làm bằng nhựa giả da, màu đen trắng, có một dây kéo khóa nằm giữa, đã qua sử dụng.

Ngoài ra xe mô tô biển kiểm soát 73K6 -1294, N đã sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là của ông Nguyễn Đình K (bố của N). Việc N mượn xe mô tô để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì ông K không biết. Đồng thời, xe mô tô trên N cũng sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong một vụ án khác tại địa bàn huyện Q, tỉnh Quảng Bình nên CQCSĐT Công an huyện Q đã

thu giữ để phục vụ điều tra, hiện nay đã trả lại cho ông Nguyễn Đình K theo Quyết định xử lý vật chứng số 59 ngày 09/10/2023.

Về dân sự: Bị hại chị Hoàng Thị N đã nhận lại tài sản bị mất trộm nên không yêu cầu gì thêm về dân sự và cam kết không có khiếu kiện, khiếu nại gì về sau.

Tại bản Cáo trạng số 53/CT - VKSBD ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”
- Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 24 đến 30 tháng tù.
- Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Không xem xét
- Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo N phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách nhà nước

Tại phiên tòa bị cáo nhất trí với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, không tham gia tranh luận thêm.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo có điều kiện trở về giúp đỡ gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, Nguyễn Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố đối với bị cáo. Như vậy, đã có đủ cơ sở để khẳng định vào khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 20/7/2023 tại thôn T, xã Q, thị xã B, Nguyễn Văn N đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Hoàng Thị N để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản số tiền 2.500.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Bị cáo Nguyễn Văn N đang có 03 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” vào các năm 2018, 2019, 2021 nên hành vi “Trộm cắp tài sản” của Nguyễn Văn N lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật. Chính bị cáo cũng thừa nhận hành vi phạm tội, chỉ yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có đầy đủ năng lực hành vi, có khả năng nhận thức và hiểu biết pháp luật nhất định. Lẽ ra bị cáo phải chịu khó học tập, rèn luyện, lao động để tạo ra thu nhập chính đáng nhưng chỉ vì lười lao động, chơi bời lêu lổng, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án nhân dân các cấp xét xử về các tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Cướp giật tài sản” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tự răn đe mình mà lại tiếp tục phạm tội. Điều đó thể hiện bị cáo có ý thức coi thường pháp luật, sẵn sàng phạm tội khi có điều kiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, làm cho quần chúng nhân dân hoang mang, lo lắng. Vì vậy, cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự để xử phạt nghiêm khắc nhằm mục đích răn đe, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật đối với bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung đối với các đối tượng khác.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bố, mẹ của bị cáo là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy cần căn cứ vào Điều 38 Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để bị cáo tu dưỡng, rèn luyện mình trở thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B thu giữ và trả lại tài sản cho chủ sở hữu, không có ai có yêu cầu gì. Xét thấy việc thu giữ và xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Hoàng Thị N đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt. Tại phiên tòa hôm nay, chị N vắng mặt nhưng quá trình điều tra không có ý kiến gì nên không xem xét.

[8] Về án phí: Xử buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 và khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong

4. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

5. Về án phí: Xử buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 21/11/2023 (Đối với những người có mặt) hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật (Đối với những người vắng mặt).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA;
- THA hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Tưởng Thị Hà**